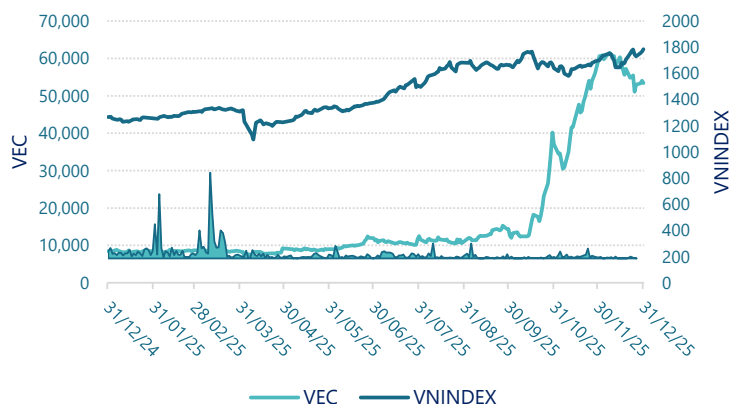


Tổng CTCP Điện tử và Tin học Việt Nam (UPCOM: VEC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	53,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	61,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,200
SL cổ phiếu LH	43,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	48,495
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,339
P/E	33.9
EPS	1,577

DT thuần

Q4/25

109

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.0| -9.0%

YoY: ▼5.00| -4.3%

LN sau thuế

Q4/25

74.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 73.0| 3761%

YoY: ▲ 65.5| 699%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

20.2%

+/- YoY: ▲ 17.3%

DT thuần

2025

390

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 93.0| 31.7%

LN sau thuế

2025

77.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 77.3| 23214%

ROE

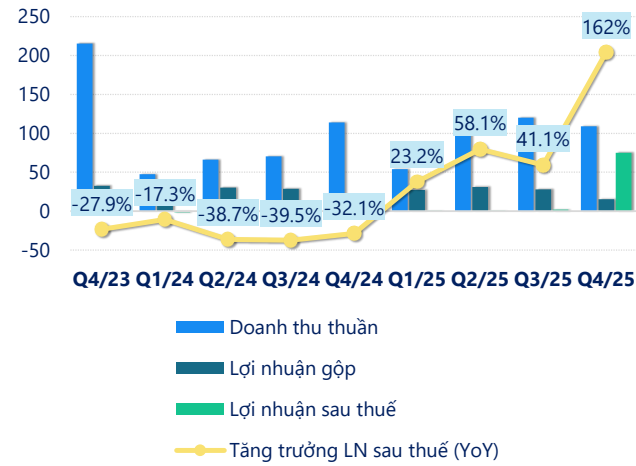
2025

11.8%

+/- YoY: ▲ 13.0%

tỷ VNĐ

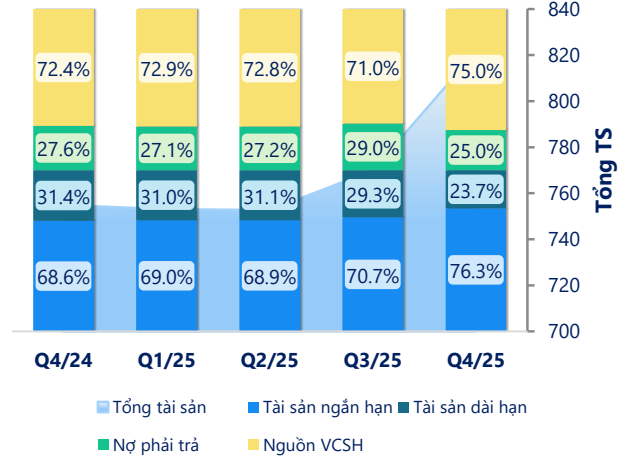
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

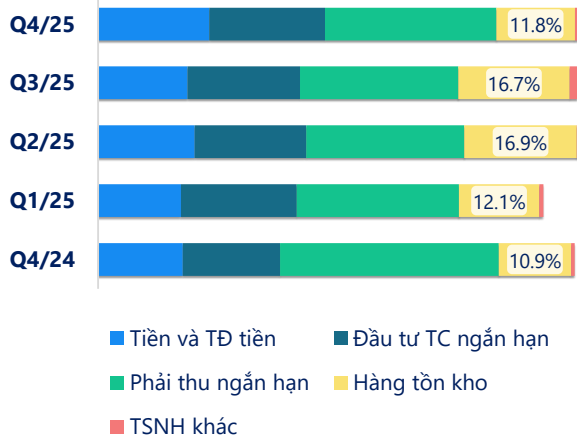
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



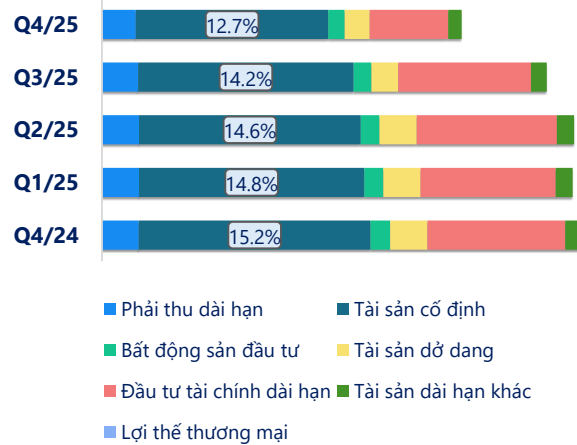
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

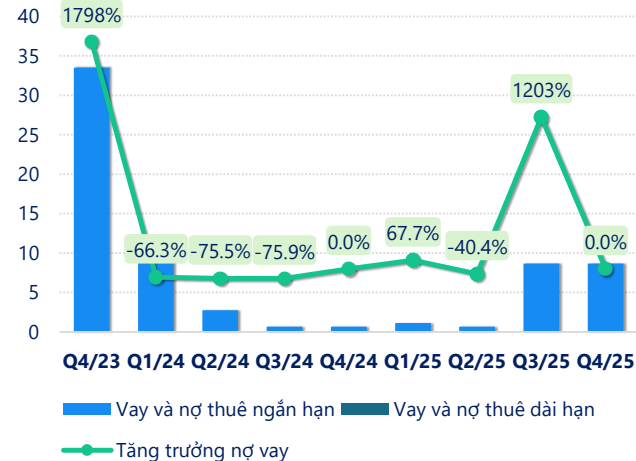
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

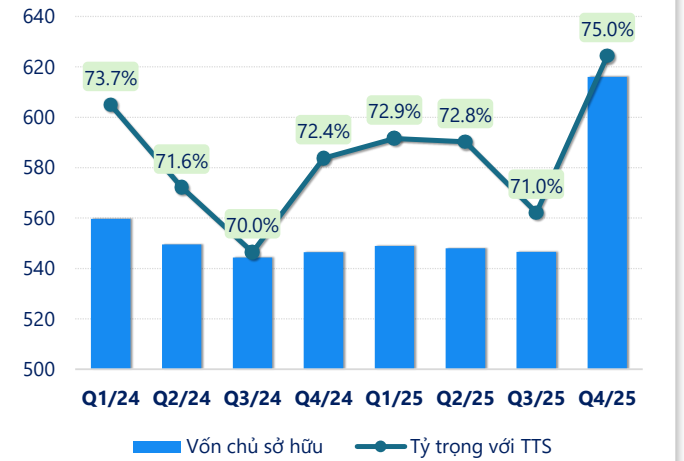
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

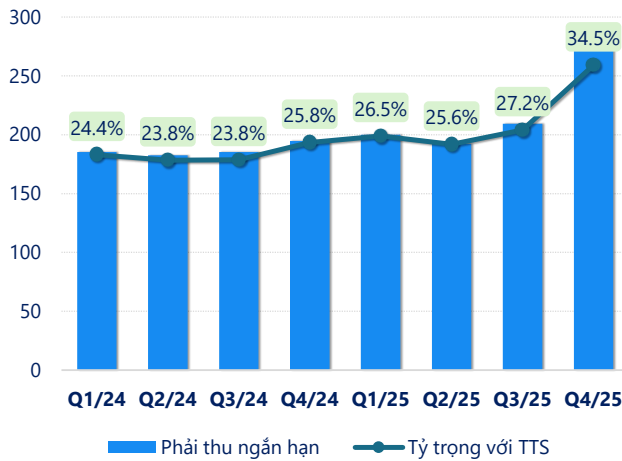
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

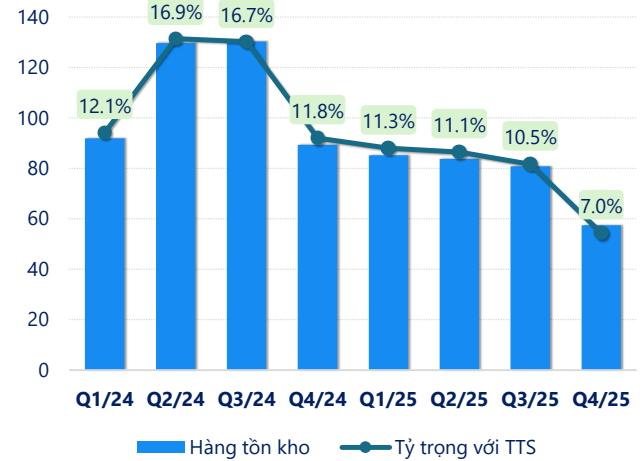
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

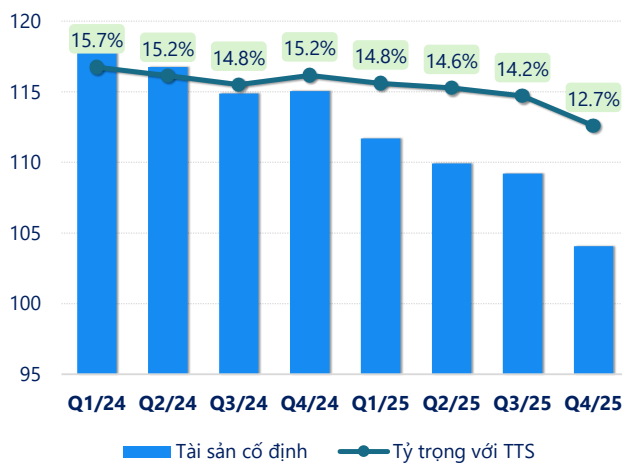
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

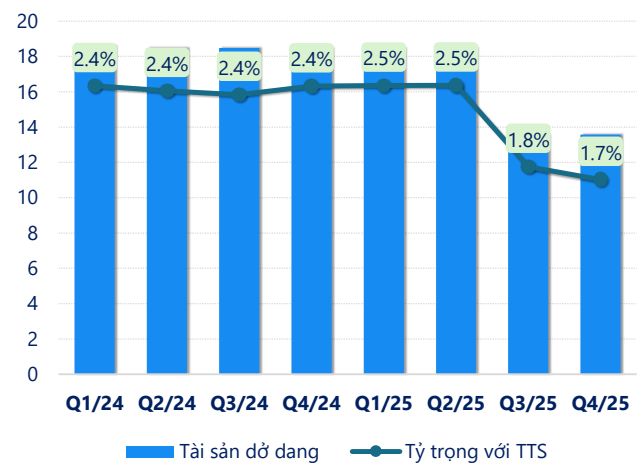
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

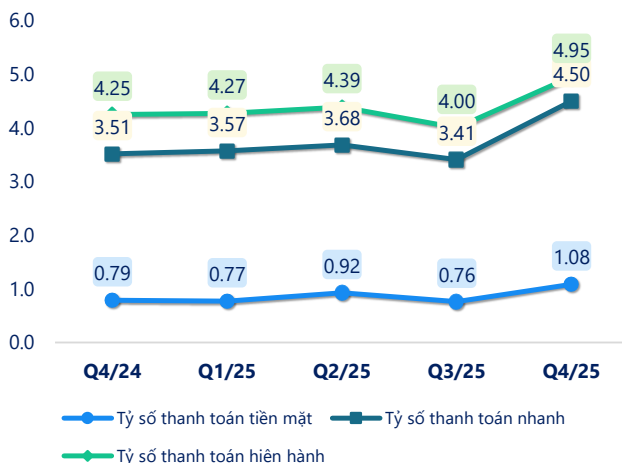
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



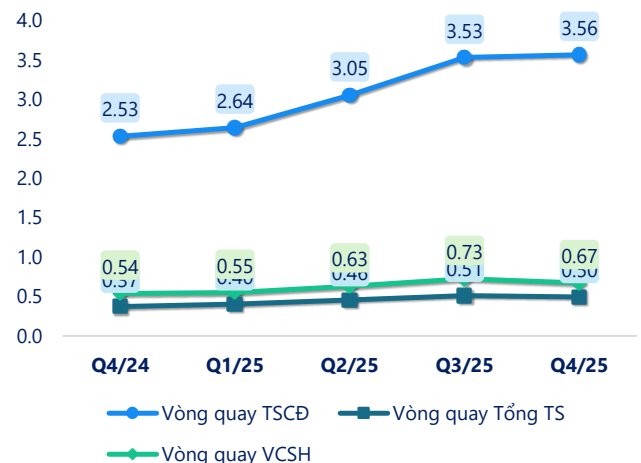
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	755	753	753	770	821
Tài sản ngắn hạn	518	520	519	545	627
Tiền và tương đương tiền	96.2	93.8	109	104	137
Đầu tư tài chính ngắn hạn	132	135	127	143	141
Phải thu ngắn hạn	195	200	192	209	284
Hàng tồn kho	89.4	85.2	83.7	80.8	57.4
Tài sản ngắn hạn khác	5.87	5.88	6.12	7.26	7.88
Tài sản dài hạn	237	233	234	225	194
Phải thu dài hạn	18.4	18.4	18.4	18.4	18.4
Tài sản cố định	115	112	110	109	104
Bất động sản đầu tư	9.82	9.41	9.21	9.00	8.80
Tài sản dở dang	18.5	18.5	18.5	13.6	13.6
Đầu tư tài chính dài hạn	68.5	66.9	69.5	67.2	42.5
Tài sản dài hạn khác	7.01	8.48	8.56	8.05	7.12
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	208	204	205	223	205
Nợ ngắn hạn	122	122	118	136	127
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.67	1.12	0.67	8.67	8.67
Phải trả người bán ngắn hạn	59.5	50.5	56.5	64.5	74.6
Nợ dài hạn	86.2	82.4	86.5	87.2	78.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	547	549	548	547	616
Vốn chủ sở hữu	546	549	548	547	616
Vốn điều lệ	438	438	438	438	438
Kinh phí và quỹ khác	0.36	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)